



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Mã chứng khoán: CVN

Website: vinamgroup.com.vn

**TAKISHITA
AKIRA**

Digitally signed by TAKISHITA AKIRA
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
HC:TS2576161, CN=TAKISHITA AKIRA, T=Giám
đốc, OU=CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM, L=Quận Tây
Hồ, S=HÀ NỘI, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.04.19 15:07:48+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.1.3

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Giấy chứng nhận ĐKKD: Số 0102174005 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 14/02/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 26/03/2026.

Vốn điều lệ: 296.999.910.000 VND (*Hai trăm chín mươi sáu tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm mười nghìn đồng*).

Địa chỉ: Lô BT5 - ô số 18, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp, Phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Số điện thoại: 0243 385 5010 Fax:

Website: <https://vinamgroup.com.vn/>

Mã cổ phiếu: CVN

Sàn niêm yết: HNX

2. Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân là Công ty cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Việt Nam (được thành lập ngày 14/02/2007, đến tháng 12/2009, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Vinam) với vốn điều lệ 10.000.000.000 đồng (*Mười tỷ đồng*).

Các mốc phát triển chủ yếu

○ Năm 2010: Niêm yết HNX và Tăng vốn điều lệ lên 32.500.000.000 VND

- Thực hiện chủ trương đại chúng hóa và niêm yết thị trường chứng khoán, năm 2010 Ban lãnh đạo Công ty quyết tâm thực hiện tái cơ cấu mô hình công ty phù hợp với xu hướng chung. Ngày 06/08/2010 đánh dấu bước ngoặt phát triển khi lần đầu tiên cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán CVN.

- Tháng 12/2010 Công ty được UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng. Theo đó, Công ty chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu 1.700.000 cổ phiếu; chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu là 250.000 cổ phiếu; chào bán cho cổ đông chiến lược là 300.000 cổ phiếu; Công ty thực hiện thành công tăng vốn điều lệ từ 10.000.000.000 đồng lên 32.500.000.000 đồng.

○ Năm 2017: Tăng vốn điều lệ lên 82.500.000.000 VND

- Tháng 12/2017 Công ty đã phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược tăng vốn điều lệ từ 32.500.000.000 đồng lên 82.500.000.000 đồng.

○ Năm 2020: Tăng vốn điều lệ lên 115.499.994.000 VND

- Tháng 12/2020 Công ty đã trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ từ 82.500.000.000 đồng 115.499.994.000 đồng.

○ Quý I/2021: Tăng vốn điều lệ lên 197.999.994.000 VND

- Quý I/2021 Công ty đã phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược tăng vốn điều lệ từ 115.499.994.000 đồng lên 197.999.994.000 đồng.

○ **Quý II, III/2022: Tăng vốn điều lệ lên 296.999.910.000 VNĐ**

- Quý II, III/2022 Công ty đã phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ từ 197.999.994.000 đồng lên 296.999.910.000 đồng.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- *Ngành nghề kinh doanh chính:*

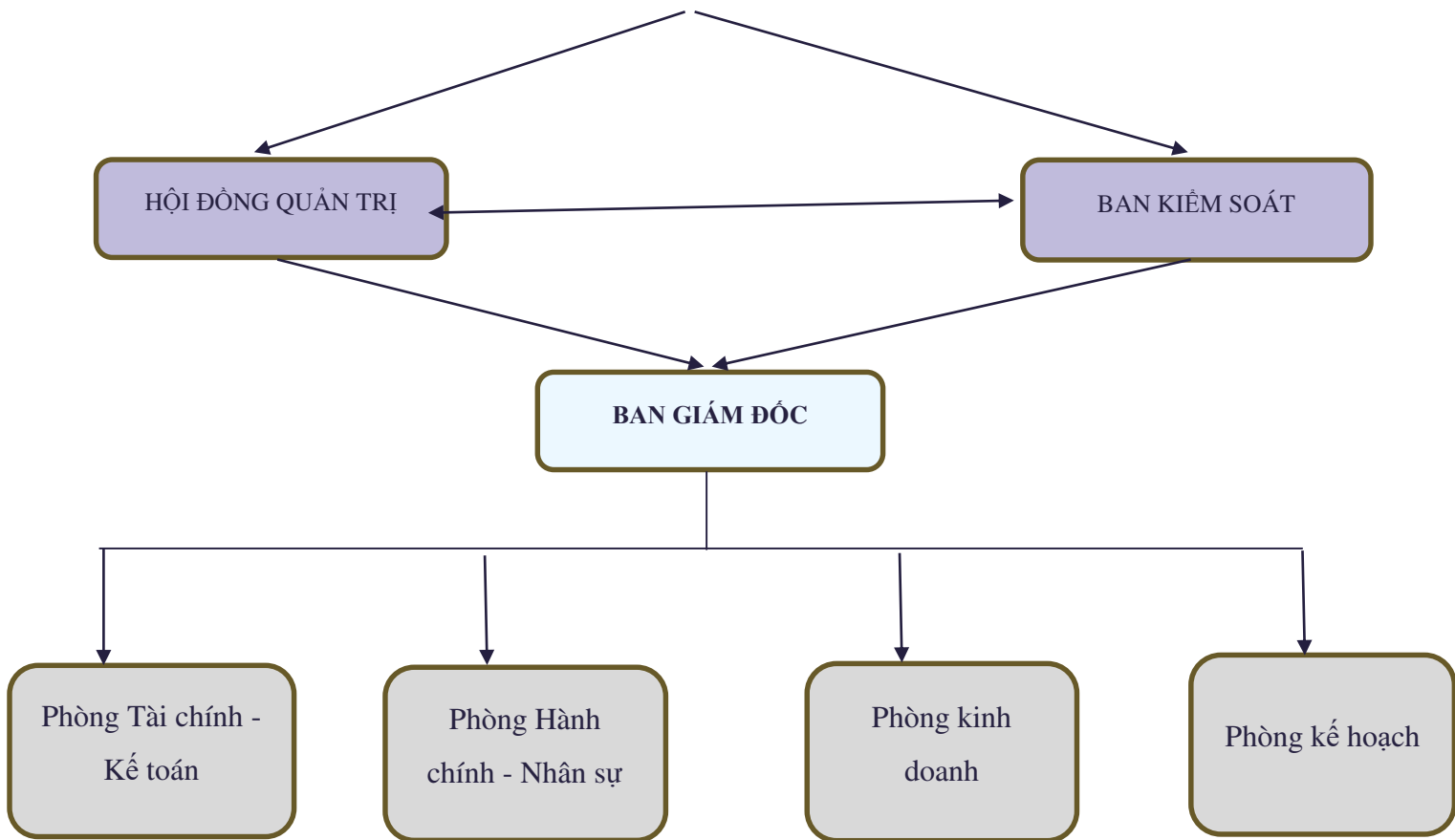
Cung cấp các giải pháp y tế	Kinh doanh mua bán, cho thuê máy nông nghiệp
	
phân phối thực phẩm bảo vệ sức khỏe	Xây dựng nhà máy điện rác
	
Lễ khánh thành nhà máy đóng gói thực phẩm chức năng, rang xay và chế biến cafe	



Địa bàn kinh doanh: Toàn quốc, trong đó tập trung chủ yếu ở các tỉnh, thành phố lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, ...

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình tổ chức:
- Cơ cấu bộ máy quản lý:



○ **Đại hội đồng cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm các Cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty như phê duyệt báo cáo quyết toán, quyết định chào bán cổ phần, cổ tức được trả; quyết định giải pháp đầu tư, phát triển thị trường, tiếp thị, công nghệ, quyết định các khoản đầu tư có trị giá lớn hơn 50% giá trị tài sản của Công ty, bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát,...

○ **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông như: quyết định tổ chức, chiến lược phát triển; phê duyệt các chính sách, mục tiêu và kế hoạch kinh doanh của Công ty; trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo quyết toán, quyết định chào bán cổ phần, cổ tức được trả,...

○ **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty và thực hiện các công việc khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

○ **Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

○ **Các phòng, ban chức năng và bộ phận trực thuộc**

- **Phòng Tài chính - Kế toán:** Tham mưu giúp Ban lãnh đạo Công ty xây dựng chiến lược, lập kế hoạch tài chính, chỉ đạo, quản lý công tác tài chính và hạch toán kế toán nhằm bảo toàn và phát triển tốt nhất nguồn lực của toàn Công ty; thực hiện chức năng quản lý tài chính theo quy định hiện hành.

- **Phòng Hành chính - Nhân sự:** Tham mưu giúp Ban lãnh đạo Công ty chỉ đạo, điều hành, quản lý công tác hành chính, quản trị, pháp chế, văn thư lưu trữ; xây dựng chiến lược và kiểm soát các hoạt động đảm bảo cơ sở vật chất và môi trường làm việc của Công ty; lập kế hoạch và quản lý hoạt động nhân sự trong Công ty, ...

- **Phòng kinh doanh:** Tìm hiểu và nắm bắt nhu cầu khách hàng, xây dựng thị trường tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ; Tiếp nhận và xử lý thông tin khách hàng; Giới thiệu sản phẩm, dịch vụ của Công ty đến các đối tác và khách hàng; Tham gia xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm, dịch vụ,...

- **Phòng kế hoạch:** Tham mưu cho Ban giám đốc quản lý, điều hành toàn bộ kế hoạch đầu tư của Công ty; lập, lưu giữ các hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động đầu tư của Công ty; phối hợp với phòng kế toán lập tiến độ nhu cầu vốn đầu tư cho từng giai đoạn để đề xuất Ban giám đốc,...

- Các công ty con sở hữu trực tiếp: Tại ngày 31/12/2025, Công ty có 03 công ty con:

Tên	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (đồng)	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Hạ Long Tokyo (trước là Công ty Cổ phần Vinam Quảng Ninh)	Lô 15A cụm Công nghiệp Nam Sơn, xã Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh	Bán máy móc thiết bị cơ khí	50.000.000.000	99,98%
Công ty TNHH Vinam Sài Gòn	Số 173 Cô Giang, Phường Cầu Ông Lãnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán nhiên liệu dạng khí, lỏng, rắn	47.868.000.000	81.20%
Công ty Cổ phần Công nghệ cao G7	Khu Công nghiệp Sông Hậu – Giai đoạn 1, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Buôn bán, chế biến thực phẩm chức năng, thực phẩm đông lạnh tiết trùng	70.000.000.000	98%

- Các Công ty góp vốn liên doanh liên kết tại ngày 31/12/2025

Tên	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (đồng)	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty CP phòng khám Ba Đình	Số 37A Dốc Phụ sản, đường Đê La Thành, Phường Láng, TP Hà Nội	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.	30.000.000.000	49%
Công ty CP Phòng khám Nghệ An	Tầng 1, Số 68 đường Hồ Tông Thốc, khối 13, Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.	30.000.000.000	49%
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Pháp Vân	Tầng 1, Lô BT 5, Số 18 KĐT mới Pháp Vân – Tứ Hiệp, Phường Yên Sở, TP Hà Nội	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.	30.000.000.000	35%
Công ty CP FamiCare Pháp Vân	Tầng 1, Lô BT 5, Số 17 KĐT mới Pháp Vân – Tứ Hiệp, Phường Yên Sở, TP Hà Nội	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch	30.000.000.000	35%
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Hưng Yên	Tầng 1, Số 588 Nguyễn Văn Linh, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.	30.000.000.000	35%
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Hải Dương	Tầng 1, Số 274 Nguyễn Lương Bằng, Phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.	30.000.000.000	35%

Công ty CP Famicare Hưng Yên	Tầng 2, Số 588 Nguyễn Văn Linh, Phường Phổ Hiến, Tỉnh Hưng Yên	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch	30.000.000.000	35%
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Quảng Bình	Cụm 1, Tổ dân phố 14, Phường Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	30.000.000.000	35%
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Trà Vinh	Đường Nguyễn Đáng, Khóm 7, Phường Nguyệt Hóa, Vĩnh Long	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	30.000.000.000	35%
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Vĩnh Long	Tầng trệt, Số 64/12C, Đường Trần Phú, Khóm 5, Phường Phước Hậu, Tỉnh Vĩnh Long	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	30.000.000.000	35%
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab An Giang	177 Đường Ung Văn Khiêm, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	30.000.000.000	35%
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Tiền Giang	368A, Ấp Phước Hoà, Phường Trung An, Tỉnh Đồng Tháp	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	30.000.000.000	35%
Công ty CP Famicare Quảng Bình	Cụm 1, Tổ dân phố 14, Phường Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch	30.000.000.000	35%

Công ty CP Famicare Hải Dương	Tầng 2, Số 274 Nguyễn Lương Bằng, Phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch	30.000.000.000	35%
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Tuyên Quang	Tầng 1, Số 23, phố Hoa Lư, Tổ 01, Phường Minh Xuân, Tỉnh Tuyên Quang	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	30.000.000.000	35%
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Gia Lai	Lô 58 Tôn Thất Tùng, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	30.000.000.000	35%
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Bắc Ninh	Khu phố Đình, Phường Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	30.000.000.000	35%
Công ty CP Famicare Đồng Nai	Số 33 đường Đồng Khởi, khu phố 7, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch	10.000.000.000	35%
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Hải Phòng	Số 65 Đường Trần Tấn Văn, Phường Phù Liễn, TP Hải Phòng	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	30.000.000.000	35%
Công ty Cổ phần Famicare Hải Phòng	Tầng 2, Số 65 Đường Trần Tấn Văn, Phường Phù Liễn, TP Hải Phòng	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	10.000.000.000	10%

Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Bình Dương	634 Đại Lộ Bình Dương, Khu 5, Phường Phú Lợi, HCM	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	30.000.000.000	35%
Công ty Cổ phần Trung tâm xét nghiệm Golab Bắc Giang	Tầng 1, Số 585 Đường Lê Lợi, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	30.000.000.000	26%
Công ty Cổ phần Trung tâm xét nghiệm Golab Thanh Hóa	Tầng 1, 70 Hải Thượng Lãn Ông, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	30.000.000.000	39%
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Quận 5	26 Tân Thành, Phường Chợ Lớn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	30.000.000.000	35%

5. Định hướng phát triển

- Về công tác đầu tư, sản xuất kinh doanh

+ Tiếp tục giữ và tăng trưởng thị phần tại thị trường trong nước và nước ngoài các mặt hàng chiến lược như cà phê, trung tâm xét nghiệm và tầm soát ung thư, trung tâm truyền dịch ... Xem xét tối ưu, cơ cấu lại các dự án không đạt hiệu quả, tập trung nguồn lực cho những dự án tiềm năng đã triển khai.

+ Tối ưu hóa sản xuất, tìm kiếm, hợp tác với các đối tác để sản xuất các sản phẩm mới, phát triển sản phẩm hiện có với hàm lượng công nghệ cao, phù hợp nhu cầu thị trường.

+ Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tiếp tục triển khai các giải pháp tối ưu chi phí, cân đối công nợ, kiểm soát hàng tồn kho, tinh gọn bộ máy/nhân sự, tăng cường quản trị rủi ro,.... để nâng cao năng lực cạnh tranh, giữ vững vị thế, hỗ trợ cho tăng trưởng bền vững.

- Về công tác nguồn vốn, tài chính: Tiếp tục triển khai có hiệu quả các giải pháp tài chính đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động SXKD và kế hoạch đầu tư phát triển:

+ Sẵn sàng các phương án huy động vốn (bao gồm cả huy động vốn dài hạn, ngắn hạn, trong và ngoài nước), thực hiện huy động khi có điều kiện phù hợp.

+ Tăng cường kiểm soát công nợ, hàng tồn kho.

+ Tăng cường công tác báo cáo tài chính minh bạch, công khai.

- Công tác quản trị doanh nghiệp:

+ Tiếp tục nâng cao, cải tiến hệ thống quản trị nội bộ hướng đến nâng cao chất lượng quản trị hệ thống, tạo tiền đề cho sự bứt phá hoạt động kinh doanh và đạt được những mục tiêu tài chính đặt ra.

+ Tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả

+ Quản lý vận hành các nhà máy theo tiêu chí an toàn tin cậy, hiệu quả, tối ưu hóa chi phí và hạn chế rủi ro.

+ Đảm bảo nguồn nhân lực hợp lý và có trình độ chuyên môn cao trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh cốt lõi.

+ Xây dựng văn hóa doanh nghiệp;

+ Đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro.

Tiếp tục phát huy vai trò quản trị tập trung, điều phối nguồn lực toàn hệ thống cho công tác chiến lược SXKD, đầu tư, tài chính, nhân sự - đào tạo, thương hiệu và quản lý rủi ro.

6. Các rủi ro

Với trách nhiệm thúc đẩy thành công mục tiêu dài hạn của Công ty, bảo vệ lợi ích tốt nhất cho các cổ đông, hài hòa với trách nhiệm xã hội, Công ty luôn nhận định, đánh giá và kiểm soát các rủi ro gắn kết với mục tiêu chiến lược và kế hoạch hành động để tối ưu hóa giá trị doanh nghiệp và phát triển bền vững. Trong năm 2025, kinh tế Việt Nam vẫn phải đối mặt với rủi ro, thách thức từ cả bên ngoài và từ nội tại nền kinh tế, trong đó đặc biệt là diễn biến tình hình kinh tế phức tạp, lạm phát tăng cao, lãi suất ngân hàng tăng,....

Các loại rủi ro:

- Rủi ro kinh tế:

Mặc dù kinh tế thế giới tránh được kịch bản tồi tệ nhất là suy thoái kinh tế vào năm 2025, nhưng có nguy cơ đối mặt với thời kỳ tăng trưởng thấp kéo dài. Triển vọng tăng trưởng ở nhiều quốc gia đang phát triển, đặc biệt là các quốc gia dễ bị tổn thương và thu nhập thấp, vẫn còn yếu. GDP thực của Việt Nam được dự báo sẽ tăng trưởng 6,8% vào năm 2025 và 6,5% vào năm 2026.

Cạnh tranh chiến lược, căng thẳng thương mại và công nghệ giữa các nước lớn còn diễn ra căng thẳng và khó dự đoán.

Xung đột quân sự giữa một số nước cũng gây khó khăn cho chuỗi cung ứng toàn cầu, nâng chi phí vận chuyển, chi phí nguyên liệu,...

Thiên tai, lũ lụt ảnh hưởng tới nền kinh tế toàn cầu.

- Rủi ro luật pháp: Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan. Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng bởi các chính sách, quy định đặc thù của ngành như về môi trường, y tế, ...

- Rủi ro tỷ giá ngoại tệ: Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, mua bán máy móc và nguồn nguyên liệu cho sản xuất thực phẩm được nhập khẩu từ Nhật Bản, Mỹ, Trung Quốc, ... do đó sự thay đổi của tỷ giá ngoại tệ sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Rủi ro lãi suất: Để phục vụ kinh doanh, đầu tư hầu hết doanh nghiệp đều có sử dụng vốn vay. Những tác động về Lãi suất tiền vay – chi phí sử dụng vốn sẽ ảnh hưởng đến chi phí sản xuất kinh doanh và đầu tư của công ty.
- Rủi ro khác: Một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty như: thiên tai, dịch bệnh,...

PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

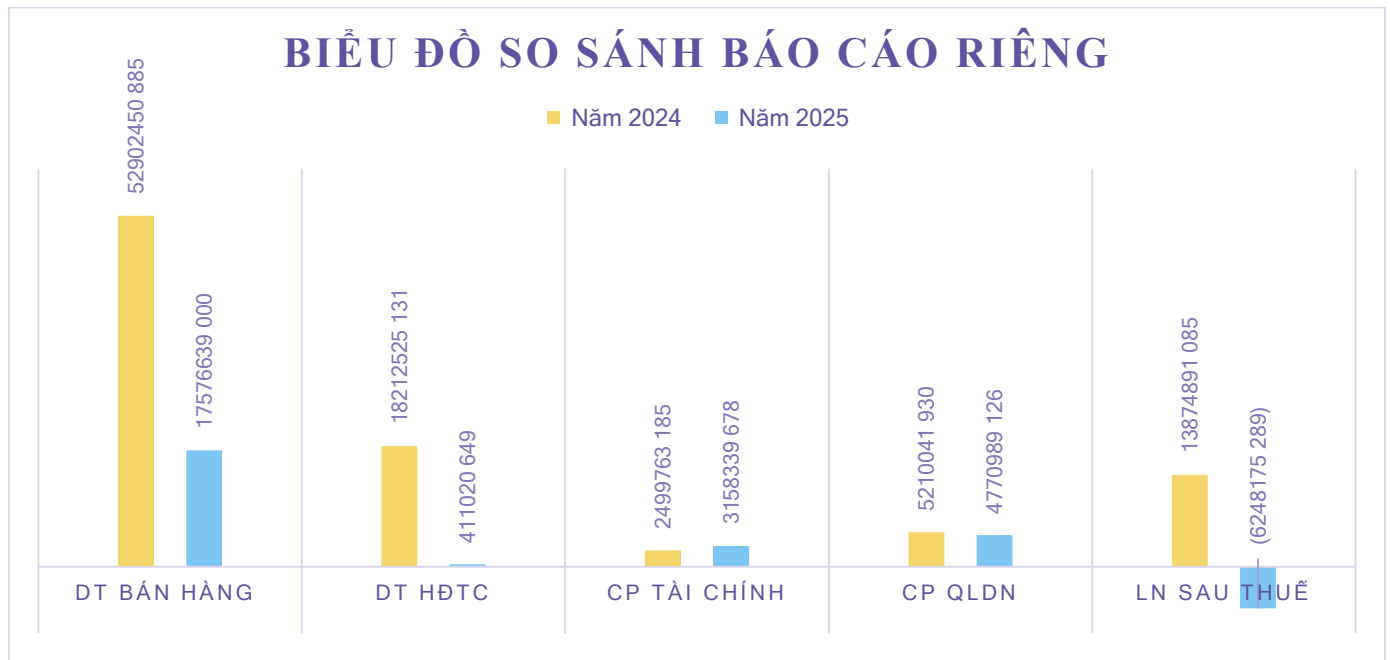
- *Kết quả kinh doanh của công ty mẹ:*

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Tỷ lệ 2025/2024 (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.576.639.000	52.902.450.885	33.22%
Doanh thu hoạt động tài chính	411.020.649	18.212.525.131	2.26%
Chi phí tài chính	3.158.339.678	2.499.763.185	126.35%
Chi phí bán hàng	483.722.215	317.000.000	152.59%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.770.989.126	5.210.041.930	91.57%
Lợi nhuận trước thuế	(6.248.175.289)	13.874.891.085	(45.03%)
Lợi nhuận sau thuế	(6.248.175.289)	13.874.891.085	(45.03%)

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2025)

Đơn vị tính: đồng



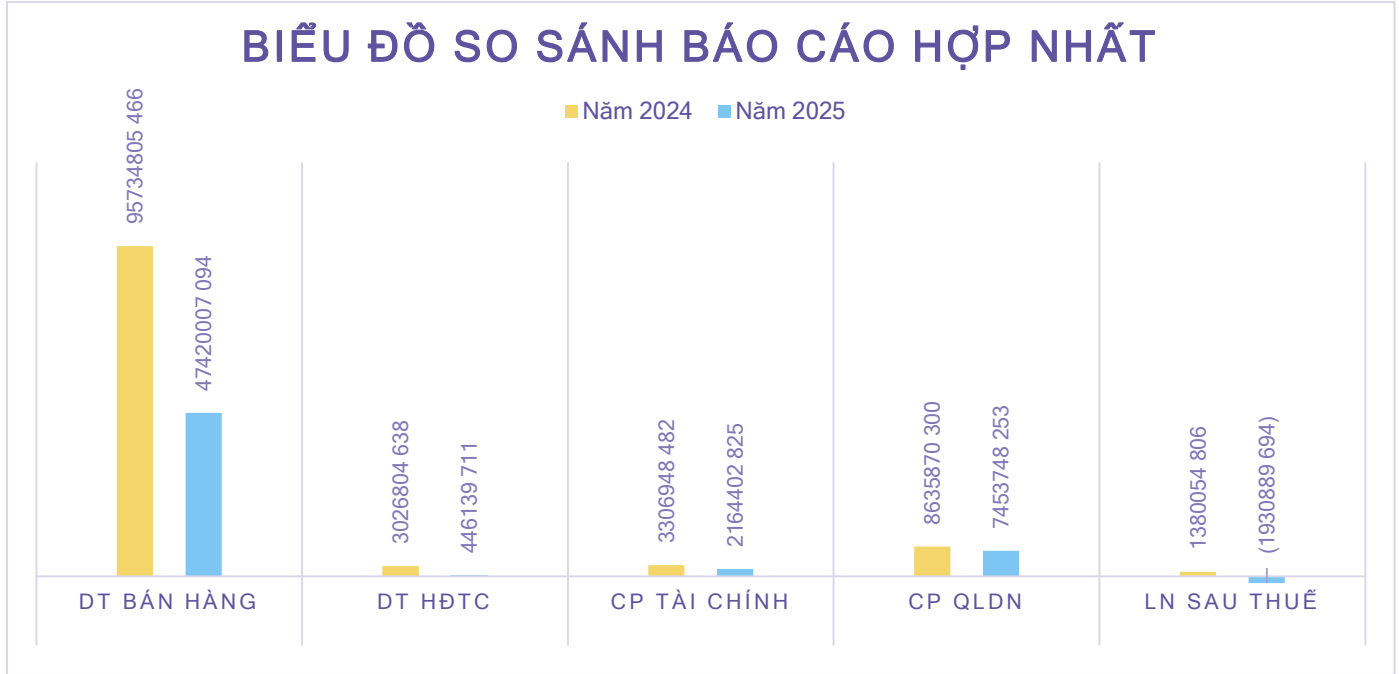
- Lợi nhuận sau thuế năm 2025 của Công ty đạt (45.03 %) so với cùng kỳ năm trước nguyên nhân là do doanh thu từ hoạt động tài chính đạt 2.26 % so với năm 2024 và do một phần nguyên nhân chi phí tài chính đạt 3.158.339.678 đồng tương đương tăng 26.35% dẫn đến lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh giảm và lợi nhuận sau thuế giảm so với cùng kỳ năm trước.
- *Kết quả kinh doanh hợp nhất:*

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu		Năm 2025	Năm 2024	Tỷ lệ 2025/2024 (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		47.420.007.094	95.734.805.466	49.53%
Doanh thu hoạt động tài chính		446.139.711	3.026.804.638	14.74%
Chi phí tài chính		2.164.402.825	3.306.948.482	65.45%
Chi phí bán hàng		986.037.414	824.160.396	119.64%
Chi phí quản lý doanh nghiệp		7.453.748.253	8.635.870.300	86.31%
Lợi nhuận trước thuế		(8.905.962.480)	1.863.801.263	(477.84%)
Lợi nhuận sau thuế		(9.130.889.694)	1.380.054.806	(661.63%)

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2025)

Đơn vị tính: đồng



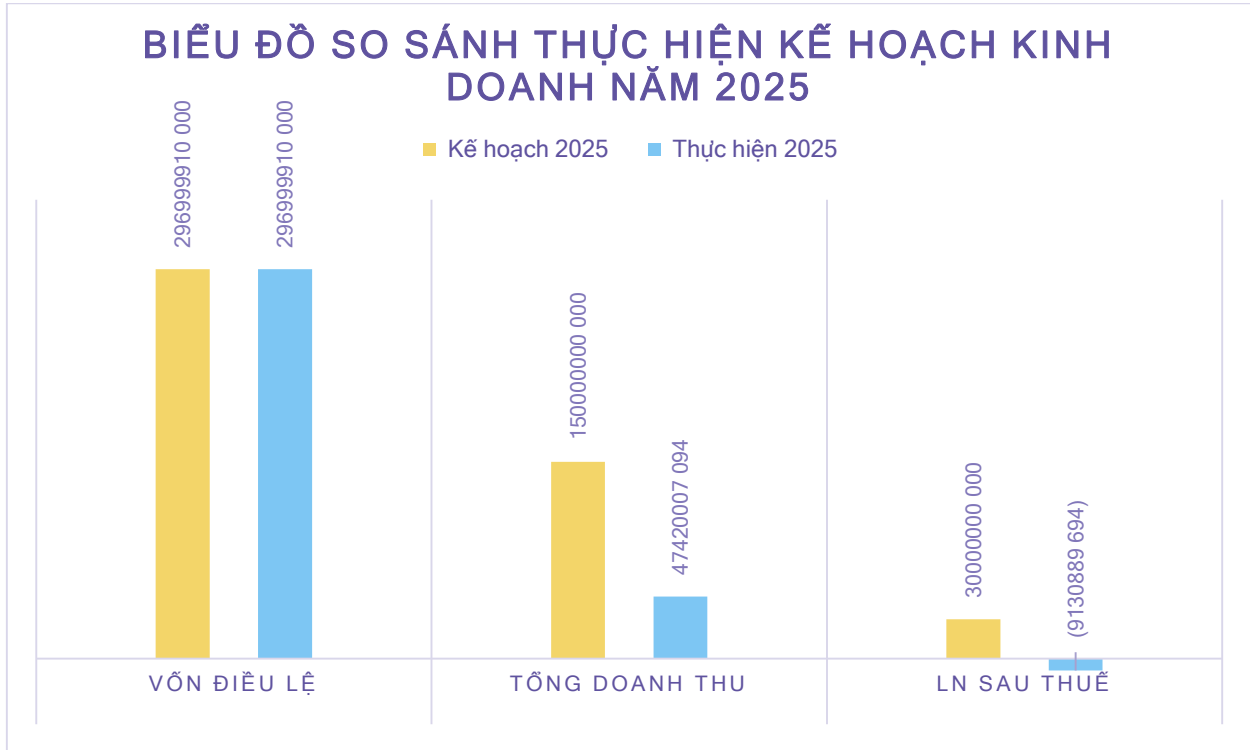
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2025 đạt 47.420.007.094 đồng tương đương 49.53% so với năm 2024 do doanh thu từ hoạt động bán hàng công ty mẹ và một số công ty con giảm so với năm 2024. Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt (9.130.889.694) đồng tương đương giảm 661.63% so với năm 2024 do trong năm 2025 doanh thu tài chính đạt 446.139.711 đồng giảm 85.26 % so với năm trước.
- *Tình hình thực hiện so với kế hoạch: (năm 2025)*

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu tài chính (BCTC hợp nhất)	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2025	% Thực hiện/kế hoạch
Vốn điều lệ	296.999.910.000	296.999.910.000	100%
Tổng doanh thu	47.420.007.094	150.000.000.000	31.61%
Lợi nhuận sau thuế	(9.130.889.694)	30.000.000.000	(30.44%)

(Nguồn: Kế hoạch kinh doanh năm 2025 đã được ĐHĐCĐ thường niên 2025 thông qua
Và Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2025)

Đơn vị tính: đồng



- Kết quả kinh doanh năm 2025 chưa đạt so với kế hoạch đề ra: Doanh thu đạt 31.61 %; Lợi nhuận sau thuế đạt (30.44 %). Do Năm 2025 Công ty tiếp tục cơ cấu lại hoạt động kinh doanh, bắt đầu triển khai một số lĩnh vực kinh doanh mới như kinh doanh, thương mại hóa máy móc nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất cà phê phục vụ xuất khẩu, phân phối thực phẩm chức năng Nhật Bản... và kinh doanh khí nên tạm thời doanh thu, lợi nhuận giảm so với năm trước và chưa đạt được kế hoạch đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự:

- o Danh sách Ban điều hành tại ngày 31/12/2025:

Giám đốc: Lê Văn Mạnh từ ngày 16/09/2023 đến nay			
Ngày tháng năm sinh	:10/09/1982	Quê Quán	: Quảng Ninh
Dân tộc	: Kinh	Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	P3026 VP3 Linh Đàm, Phường Định Công, Thành phố Hà Nội		
Số CMND/CCCD	: 022082003757	Ngày cấp: 24/06/2021	
	Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội		
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế		
Kế toán trưởng: Bùi Thị Trang			
- Ngày tháng năm sinh	: 06/04/1988	Quê quán	: Nam Định

- Dân tộc	: Kinh	Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú	: Ngõ 83 Ngọc Hồi, Phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội	
- Số CMND/CCCD	: 036188004068	Ngày cấp: 21/08/2022 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế	

- Số lượng cán bộ, nhân viên.

Tổng số nhân viên làm việc cho CVN và các công ty con tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 19 người.

- Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 5 ngày/tuần với lao động gián tiếp. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh, Công ty có thể yêu cầu cán bộ nhân viên làm thêm giờ và thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động theo quy chế hiện hành của Công ty. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động. Các nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt trong toàn Công ty.

- Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao.

- Cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo, có năng lực tổ chức, quản lý, lãnh đạo nhóm. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, tư duy logic, phán đoán nhanh nhạy, linh hoạt, tính quyết đoán cao, khả năng phân tích tốt cũng như các yêu cầu về trình độ ngoại ngữ, tin học.

- Nhằm khuyến khích động viên người lao động nâng cao năng suất và hiệu quả công việc, ngoài các quyền lợi được quy định bởi Luật Lao động, cán bộ nhân viên trong Công ty có thành tích xuất sắc, đặc biệt xuất sắc trong lao động sản xuất và công tác đều được công ty xét khen thưởng xứng đáng.

- Bên cạnh việc sản xuất kinh doanh, ban lãnh đạo Công ty rất quan tâm đến các hoạt động đoàn thể, chú trọng đến quyền lợi cũng như đời sống tinh thần của toàn thể nhân viên. Hàng năm Công ty tổ chức cho cán bộ nhân viên đi tham quan nghỉ mát, thực hiện các chế độ thăm hỏi đối với nhân viên ốm đau, thai sản, khen thưởng cho con của cán bộ nhân viên đạt được thành tích cao trong học tập.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án tại các công ty con:

3.1 Tình hình tài chính Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Hạ Long Tokyo

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	% 2025/2024
Tổng giá trị tài sản	78.482.133.303	86.603.176.774	90.62%
Tổng nguồn vốn	78.482.133.303	86.603.176.774	90.62%
Doanh thu thuần	27.643.368.094	25.674.490.248	107.67%
Lợi nhuận trước thuế	(50.212.000)	1.605.944.127	(3.13%)
Lợi nhuận sau thuế	(275.139.214)	1.122.197.670	(24.52%)

(Nguồn: BCTC năm 2025, 2024 công ty CP Công nghệ cao Y tế và Môi trường Hạ Long Tokyo)

3.2 Tình hình tài chính Công ty TNHH Vinam Sài Gòn

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	% 2025/2024
Tổng giá trị tài sản	46.645.660.791	47.439.283.945	98.40%
Tổng nguồn vốn	46.645.660.791	47.439.283.945	98.40%
Doanh thu thuần			
LN trước thuế	(860.055.115)	183.627.557	(468.37%)
LN sau thuế	(860.055.115)	183.627.557	(468.37%)

(Nguồn: BCTC năm 2025, 2024 Công ty TNHH Vinam Sài Gòn)

3.3 Tình hình tài chính Công ty CP Công nghệ cao G7

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	% 2025/2024
Tổng giá trị tài sản	114.004.486.033	118.652.314.626	96.08%
Tổng nguồn vốn	114.004.486.033	118.652.314.626	96.08%
Doanh thu thuần	2.200.000.000	33.603.333.333	6.55%
Lợi nhuận trước thuế	(2.559.165.056)	4.084.120.140	(62.66%)
Lợi nhuận sau thuế	(2.559.165.056)	4.084.120.140	(62.66%)

(Nguồn: BCTC năm 2025, 2024 công ty CP Công nghệ cao G7)

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính

- Tính hình tài chính tại Báo cáo tài chính riêng

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	%2025/2024
Tổng giá trị tài sản	379.435.955.312	381.662.895.006	99.42%
Doanh thu thuần	17.576.639.000	52.902.450.885	33.22%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(6.144.571.370)	13.991.126.356	(43.92%)
Lợi nhuận khác	(103.603.919)	(116.235.271)	(89.13%)
Lợi nhuận trước thuế	(6.248.175.289)	13.874.891.085	(45.03%)
Lợi nhuận sau thuế	(6.248.175.289)	13.874.891.085	(45.03%)

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2025)

-Tính hình tài chính tại Báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	%2025/2024
Tổng giá trị tài sản	463.099.240.646	470.257.598.775	98.48%
Doanh thu thuần	47.420.007.094	95.734.805.466	49.53%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(8.783.874.513)	2.075.160.577	(423.29%)
Lợi nhuận khác	(122.087.967)	(211.359.314)	(57.76%)
Lợi nhuận trước thuế	(8.905.962.480)	1.863.801.263	(477.84%)
Lợi nhuận sau thuế	(9.130.889.694)	1.380.054.806	(661.63%)

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất do kiểm toán năm 2025)

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Năm 2024
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	lần	0.51	1.08
+ Hệ số thanh toán nhanh TSNH - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	lần	0.30	0.88
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0.15	0.14

+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0.23	0.22
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	lần	3.13	2.95
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	0.10	0.20
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	lần	(0.19)	0.014
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	lần	(0.03)	0.005
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	lần	(0.02)	0.003
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	lần	(0.19)	0.022

(Căn cứ trên Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2025)

Khả năng thanh toán: Chỉ số này cho thấy khả năng thanh toán của một doanh nghiệp, là chỉ tiêu Công ty có thể theo dõi tình trạng tài chính trong ngắn hạn. Chỉ tiêu thanh toán ngắn hạn trong năm 2025 là 0.51 cho thấy khả năng thanh toán của Công ty ở mức thấp.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Hệ số nợ của Công ty năm 2025 so với năm 2024 tăng do công ty thúc đẩy hoạt động kinh doanh vừa bằng nguồn vốn tự có và vốn đi vay của các tổ chức tín dụng và hoạt động mua bán với các hợp đồng với nhà cung cấp đã được ký.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động: chỉ số về năng lực hoạt động của Công ty có xu hướng tăng trong năm 2025 (Hệ số vòng quay hàng tồn kho tăng từ 2.95 lên 3.13).

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2025 giảm so với năm 2024 do doanh nghiệp tái cấu trúc do dẫn đến tình hình kinh doanh và khả năng sinh lời giảm nhưng không đáng kể. Tuy nhiên, Công ty cũng đã đề ra các kế hoạch để cải thiện hiệu quả kinh doanh, ứng phó với các khó khăn trong năm 2025 và thời gian tới.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần

- Mã chứng khoán: CVN
- Sàn niêm yết: HNX
- Ngày giao dịch đầu tiên: 06/08/2010
- Tổng số cổ phần: 29.699.991 cổ phần.
- Khối lượng cổ phiếu niêm yết: 29.699.991 cổ phiếu
- Khối lượng cổ phiếu lưu hành: 29.699.991 cổ phiếu

- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 29.699.991 cổ phiếu

b) Cơ cấu cổ đông

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông:

STT	Tiêu chí	Số lượng cổ đông (người)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	2331	29.699.451	99,998%
1	Cổ đông nhà nước	-	-	-
2	Cổ đông tổ chức	7	53.766	0,18%
3	Cổ đông cá nhân	2324	29.645.685	99,818%
II	Cổ đông nước ngoài	4	540	0,002%
1	Cổ đông tổ chức	1	380	0,0012%
2	Cổ đông cá nhân	3	160	0,0008%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	Tổng cộng	2.335	29.699.991	100 %

(Nguồn: Danh sách cổ đông gần nhất chốt tại ngày 29/05/2025)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (3 năm)

- ❖ Năm 2023 Công ty không thay đổi vốn chủ sở hữu.
- ❖ Năm 2022: Công ty thực hiện tăng vốn.
 - Quý II, III/2022 Công ty đã phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ từ 197.999.994.000 đồng lên 296.999.910.000 đồng.
 - Ngày bắt đầu chào bán: 27/05/2022
 - Ngày hoàn thành đợt chào bán: 03/08/2022
 - Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 9.899.997 cổ phiếu, chiếm 100% tổng số cổ phiếu chào bán.
 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
 - Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 98.999.970.000 đồng

- Hạn chế chuyển nhượng: cổ phiếu phát hành riêng lẻ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán (từ ngày 03/08/2022 đến ngày 04/08/2023).
- Mục đích sử dụng vốn của đợt chào bán: Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành riêng lẻ là 98.999.970.000 đồng, toàn bộ số tiền này sẽ được công ty sử dụng vào các mục đích bổ sung vốn lưu động và đầu tư góp vốn vào các công ty con.

❖ Năm 2021: Công ty thực hiện tăng vốn

Quý I/2021 Công ty đã phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược tăng vốn điều lệ từ 115.499.994.000 đồng lên 197.999.994.000 đồng.

d) *Giao dịch cổ phiếu quỹ*: Không

e) *Các chứng khoán khác*: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Tác động lên môi trường: Công ty luôn chú trọng việc tuyên truyền về cách thức bảo vệ môi trường từ những việc như phân loại rác thải tái chế, sử dụng tiết kiệm năng lượng điện, nước, tắt khi không sử dụng, hạn chế sử dụng túi nilon, lựa chọn sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường để thay thế... từ những hành động, việc làm nhỏ sẽ góp phần hình thành lối sống tích cực trong cộng đồng CBCNV trong Công ty nói riêng và xã hội nói chung.

6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu: Công ty đã và đang tăng cường công tác quản lý nhằm kiểm soát các tác động ảnh hưởng đến môi trường, đảm bảo sử dụng và quản lý hiệu quả các nguồn hàng hóa đầu vào, áp dụng công nghệ mới trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

6.3 Tiêu thụ năng lượng: Công ty đặc biệt chú trọng đến việc tiết kiệm nhiên liệu năng lượng trong quá trình sản xuất kinh doanh. Công ty luôn ý thức trong việc tuyên truyền trong hệ thống CBCNV ý thức sử dụng tiết kiệm điện, tắt các thiết bị điện không sử dụng, sử dụng các nguồn năng lượng sạch, tận dụng các nguồn năng lượng tự nhiên và năng lượng tái chế.

6.4 Tiêu thụ nước: Tiết kiệm tiêu thụ nước cũng là một trong những vấn đề được Công ty chú trọng, CBCNV của Công ty luôn có ý thức trong việc sử dụng và tái chế lượng nước đã sử dụng một cách hiệu quả.

6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến ngày 31/12/2025: 19 người. Mức lương bình quân: 7.990.550 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Chế độ làm việc: Người lao động làm việc trong Công ty đều được Công ty ký kết hợp đồng lao động và được tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Công ty thực hiện chế độ làm việc, chế độ nghỉ ngơi đối với người lao động như chế độ làm thêm giờ, chế độ nghỉ lễ tết, phép, chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ...theo đúng quy định của pháp luật.

- Chính sách tuyển dụng, đào tạo: Hàng năm Công ty quan tâm đến việc nâng cao trình độ của người lao động và chú trọng vào các hoạt động đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ. Công ty cũng thường xuyên bổ sung nhân sự phù hợp với nhu cầu công việc với các chính sách để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Chính sách lương, thưởng, phúc lợi: Công ty có chế độ đãi ngộ và đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật. Công ty có chính sách thưởng hàng kì, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể căn cứ vào hiệu quả công việc cũng như những thành tích nổi bật.

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm tới đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ nhân viên.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Công ty tích cực tham gia các hoạt động, phong trào hỗ trợ, phát triển cộng đồng trên các mặt kinh tế, xã hội và giáo dục; tham gia các cuộc vận động, các phong trào tương thân tương ái, xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ người nghèo, ... góp phần giữ gìn trật tự trị an, an toàn xã hội nhằm thúc đẩy phát triển mạnh mẽ xã hội văn minh và bền vững.

6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

- Công ty đang có những định hướng và áp dụng để phát triển hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a) Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây:

- Nhìn chung năm 2025 là một năm đầy khó khăn và thách thức với Công ty khi thị trường kinh tế thế giới có nhiều biến động khó lường. Mặc dù chưa đạt được lợi nhuận như kế hoạch đề ra, nhưng HĐQT, BKS và Ban giám đốc cùng toàn thể cán bộ nhân viên Công ty đã từng

bước tiếp cận và vượt qua khó khăn, thách thức để cơ cấu lại các hoạt động kinh doanh của Công ty và mở rộng một số lĩnh vực kinh doanh mới như chế biến thực phẩm (gà, lợn, cá, ...), chế biến nông sản như cà phê, cung cấp các giải pháp y tế, phân phối thực phẩm bảo vệ sức khỏe, kinh doanh mua bán, cho thuê máy móc nông nghiệp,... tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của Công ty trong tương lai.

- Công tác quản lý tài chính, bảo toàn và phát triển vốn được thực hiện đúng chế độ, chính sách, quy định của Nhà nước về quản lý tài chính. Quản lý tốt các nguồn thu, chi của công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế, ngân sách cho Nhà nước.
- Công tác tiếp thị, mở rộng thị trường được Ban Giám đốc công ty đặc biệt quan tâm và trực tiếp thực hiện các mảng kinh doanh chính của công ty. Công ty tiếp tục phát triển với tốc độ ổn định về quy mô, hiệu quả kinh doanh được cải thiện đáng kể. Người lao động được đảm bảo việc làm và có thu nhập ổn định.

b) *Những tiến bộ công ty đã đạt được:*

Công ty đã tập trung tái cơ cấu quản trị; thu hồi các khoản đầu tư không hiệu quả; bổ sung vốn lưu động cho hoạt động đầu tư dài hạn vào các lĩnh vực có tiềm năng. Ban lãnh đạo Công ty đã nỗ lực xúc tiến mở rộng thị trường hoạt động, tìm kiếm các cơ hội đầu tư hiệu quả, từng bước đưa công ty ổn định và phát triển bền vững.

2. Tình hình tài chính:

a) *Tình hình tài sản*

- *Tình hình tài sản tại Báo cáo tài chính riêng*

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Số cuối năm	Số đầu năm	Tỷ lệ
I	Tài sản ngắn hạn	12.678.675.643	24.773.240.360	94%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	250.154.499	266.181.409	52%
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn			
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	6.916.833.304	17.765.343.779	39%
4	Hàng tồn kho	4.697.700.422	6.006.879.923	78.21%
5	Tài sản ngắn hạn khác	813.987.418	734.835.249	110.77%
II	Tài sản dài hạn	366.757.279.669	356.889.654.646	102.76%

1	Tài sản cố định	513.333.330	769.999.998	66.67%
2	Tài sản dở dang dài hạn	9.051.563.865	9.048.963.865	100.03%
3	Đầu tư tài chính dài hạn	357.192.382.474	347.070.690.783	102.92%
	Tổng cộng tài sản	379.435.955.312	381.662.895.006	99.42%

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2025)

Năm 2025 tình hình tổng tài sản của công ty mẹ giảm so với năm 2024 là 0.58% do giảm tài sản ngắn hạn là 6% (chủ yếu là các khoản phải thu, hàng tồn kho) và tăng tài sản dài hạn là 2.76% do tăng các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

- *Tình hình tài sản tại Báo cáo tài chính hợp nhất*

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Số cuối năm	Số đầu năm	Tỷ lệ
I	Tài sản ngắn hạn	34.208.185.966	70.745.544.845	48.35%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	2.132.955.499	1.675.397.983	127.31%
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn			
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	16.938.803.898	55.395.754.927	30.58%
4	Hàng tồn kho	14.185.541.058	12.922.487.249	109.77%
5	Tài sản ngắn hạn khác	950.885.511	751.904.686	126.46%
II	Tài sản dài hạn	428.891.054.680	399.512.053.930	107.35%
1	Tài sản cố định	6.277.152.099	8.179.598.655	76.74%
2	Tài sản dở dang dài hạn	9.450.092.047	9.447.492.047	100.03%
3	Đầu tư tài chính dài hạn	411.886.286.064	380.530.501.018	108.24%
4	Tài sản dài hạn khác	1.277.524.470	1.354.462.210	94.32%
	Tổng cộng tài sản	463.099.240.646	470.257.598.775	98.48%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2025)

Năm 2025 tình hình tài sản của công ty (hợp nhất) giảm 1.52 % so với năm 2024 là do giảm tài sản ngắn hạn là 51.65% (chủ yếu là các khoản phải thu) và tăng tài sản dài hạn lên là 7.35% do tăng đầu tư tài chính dài hạn.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ phải trả trên Báo cáo tài chính riêng

STT	Khoản mục	Số cuối năm (đồng)	Số đầu năm (đồng)	Tỷ lệ
1	Nợ ngắn hạn	13.600.132.345	9.578.896.750	141.98%
2	Nợ dài hạn			
	Tổng nợ phải trả	13.600.132.345	9.578.896.750	141.98%

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2025)

Tình hình nợ phải trả của công ty mẹ trong năm 2024 có sự biến động tăng Nợ ngắn hạn: đầu năm là 9.5 tỷ đồng cuối năm là 13.6 tỷ đồng tương đương với 141.98 % so với năm 2024. Tổng nợ phải trả của Công ty là 13.6 tỷ đồng, không có nợ dài hạn cho thấy Công ty hoạt động chủ yếu bằng nguồn vốn tự có và vốn đi vay.

- Tình hình nợ phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Khoản mục	Số cuối năm (đồng)	Số đầu năm (đồng)	Tỷ lệ
1	Nợ ngắn hạn	67.615.333.004	65.642.801.439	103%
2	Nợ dài hạn			
	Tổng nợ phải trả	67.615.333.004	65.642.801.439	103%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2025)

Tình hình tổng nợ phải trả của công ty (hợp nhất) trong năm 2025 có sự biến động tăng: đầu năm tổng nợ phải trả là 65.6 tỷ đồng, cuối năm tăng lên 67.6 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là tăng các khoản Nợ ngắn hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Cùng với sự thay đổi về ban quản trị, điều hành, trong năm Công ty cũng đã hoàn thiện mô hình tổ chức cũng như nhân sự trong toàn công ty.
- Công tác quản lý được quan tâm từ các khâu: tổ chức, quản trị các hoạt động kinh doanh, quản trị tài chính, quản trị chi phí. Các quy trình, quy chế về quản lý được rà soát, sửa đổi cho phù hợp với mô hình của Công ty ở từng thời điểm.
- Nâng cao ý thức trách nhiệm, tính chuyên nghiệp của toàn thể cán bộ, nhân viên trong công ty.
- Ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Ổn định nhân sự, củng cố và tiếp tục xây dựng Công ty phát triển chắc chắn và hiệu quả trong lĩnh vực kinh doanh đầu tư.
- Sử dụng linh hoạt vốn góp, tối ưu hóa các nguồn lực để đem lại hiệu quả kinh doanh cũng như thực hiện các Dự án của Công ty.
- Hạn chế vốn ứ đọng và thanh khoản kém của các hạng mục đầu tư.
- Sử dụng tối đa hóa nguồn vốn chủ sở hữu, kết hợp vốn tín dụng và các nguồn vốn khác, thu hồi các khoản vốn nhàn rỗi để tái đầu tư.
- Tiếp tục tham gia góp vốn, đầu tư và đẩy mạnh hoạt động hợp tác, liên kết kinh doanh với các Doanh nghiệp khác có tiềm năng nhằm tăng cường hiệu quả đầu tư và hỗ trợ tích cực cho các hoạt động kinh doanh chính của Công ty.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tính chuyên nghiệp của cán bộ, nhân viên trong công ty, đào tạo nguồn nhân lực với tầm nhìn dài hạn, ...
- Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Quản lý tốt chi phí, triệt để tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả kinh doanh.
- Đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a). *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải,...):* Các chỉ tiêu môi trường và trách nhiệm về môi trường luôn được đảm bảo và ưu tiên trong việc phát triển bền vững Công ty.

b). *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:* Trong năm, Công ty đã thực hiện chủ trương tăng cường chấp hành kỷ luật và nâng cao năng suất lao động. Đồng thời, luôn đảm bảo người lao động nhận được mức lương công bằng và xứng đáng với công sức, sự đóng góp của mình. Ngoài ra, Công ty kết hợp với Công đoàn quan tâm chú trọng đến đời sống tinh thần và sức khỏe người lao động, coi con người là cội nguồn của sức mạnh, công ty luôn chú trọng đến chế độ, chính sách để đảm bảo quyền lợi và lợi ích của người lao động.

c). *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương*

Công ty có trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương, tích cực tham gia đóng góp các quỹ của địa phương.

PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Khả năng phục hồi của nền kinh tế thế giới, thương mại toàn cầu vẫn còn chậm. Trong báo cáo Tình hình và triển vọng kinh tế thế giới 2025, Liên hợp quốc (UN) nhận định trong bối cảnh rủi ro và bất ổn kéo dài, tăng trưởng GDP toàn cầu dự báo sẽ chậm lại. Mặc dù kinh tế thế giới tránh được kịch bản tồi tệ nhất là suy thoái kinh tế vào năm 2023, nhưng có nguy cơ đối mặt với thời kỳ tăng trưởng thấp kéo dài. Triển vọng tăng trưởng ở nhiều quốc gia đang phát triển, đặc biệt là các quốc gia dễ bị tổn thương và thu nhập thấp, vẫn còn yếu, khiến việc phục hồi hoàn toàn

những tổn thất do đại dịch Covid-19 trở nên khó khăn hơn. Mức sụt giảm tăng trưởng này phản ánh tác động trễ của các chính sách tiền tệ thắt chặt nhằm kiềm chế lạm phát cao, các điều kiện tín dụng hạn chế cũng như thương mại và đầu tư toàn cầu yếu.

Tuy một năm khó khăn nhưng Công ty Cổ phần Vinam vẫn cố gắng đưa ra chiến lược để tối ưu hóa lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông và nhà đầu tư.

- Công tác quản lý, giám sát tài chính được minh bạch hóa, thực hiện chặt chẽ theo quy định hiện hành.
- Bên cạnh đó Công ty luôn duy trì công tác quản lý an toàn lao động, chất lượng sản phẩm và xử lý môi trường thực hiện tương đối tích cực, trách nhiệm.
- Thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật liên quan đến tất cả hoạt động của công ty.

3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Trong bối cảnh kinh tế nhiều biến động đã tác động trực tiếp đến mọi hoạt động của Công ty trong ngắn hạn, dẫn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu cơ bản của Công ty đều bị ảnh hưởng. Tuy nhiên Ban giám đốc Công ty đã từng bước khắc phục, cải thiện mọi hoạt động để vượt qua được giai đoạn khó khăn, kiểm soát giảm thiểu rủi ro, đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hội đồng quản trị đánh giá cao vai trò của Ban giám đốc đã nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh trong điều kiện kinh doanh ngày càng khó khăn. Trong năm Ban giám đốc đã có những đánh giá lại toàn bộ hệ thống, đề ra các giải pháp kịp thời, phù hợp, song song với việc tìm kiếm thêm các đối tác chiến lược, mở rộng lĩnh vực kinh doanh để đáp ứng nhu cầu đa dạng và chủ động trong kinh doanh trước tình hình dịch bệnh chưa được khống chế hoàn toàn.

Trong công tác điều hành, Ban giám đốc đã kịp thời báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh đề Hội đồng quản trị nhận định, đánh giá và có sự hỗ trợ, chỉ đạo kịp thời.

I. Thực hiện chức năng nhiệm vụ của HĐQT năm 2025 như sau:

1. Các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm

HĐQT hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của mình trong việc chỉ đạo, định hướng, quản trị hoạt động SXKD, đã thực hiện các cuộc họp để trực tiếp bàn bạc, chỉ đạo và góp ý đối với Ban giám đốc để đưa ra những biện pháp cụ thể tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty một cách kịp thời, hiệu quả; giám sát Ban Giám đốc về triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của HĐQT, ĐHĐCĐ, và quản lý, điều hành hoạt động SXKD thông qua các quy định quản lý nội bộ, Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị, văn bản, các cuộc họp HĐQT, các buổi làm việc với Ban Giám đốc và các đơn vị về chiến lược, cơ chế, chính sách, sản xuất, kinh doanh, đầu tư xây dựng, tài chính kế toán, tổ chức nhân sự, tái cơ cấu, chuyển dịch năng lượng, chuyển đổi số, hợp tác phát triển, an sinh xã hội,...

PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị Công ty:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TV HĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Takishita Akira	Chủ tịch HĐQT	21/06/2022	
2	Lê Văn Mạnh	TV HĐQT	30/10/2024	
3	Lê Văn Tuấn	TV độc lập HĐQT	21/06/2022	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: HĐQT chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT. Tuy nhiên, HĐQT đã phân công các thành viên HĐQT phụ trách từng lĩnh vực: Nhân sự, tiền lương, đầu tư phát triển, kinh doanh, định mức kinh tế kỹ thuật, tài chính kế toán.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2025, HĐQT đã thực hiện 06 cuộc họp để trực tiếp bàn bạc, chỉ đạo và góp ý đối với Ban giám đốc để đưa ra những biện pháp cụ thể tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các cuộc họp của HĐQT trong năm:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Takishita Akira	06/06	100%	
3	Lê Văn Tuấn	06/06	100%	
4	Lê Văn Mạnh	06/06	100%	

Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT trong năm 2025:

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
1	0601/2025/NQ-HĐQT	06/01/2025	V/v góp vốn Thành lập các công ty
2	0104/2025/NQ-HĐQT	01/04/2025	Về việc gia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
3	0505/2025/NQ-HĐQT	05/05/2025	V/v kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
4	0508/2025/NQ-HĐQT	05/08/2025	V/v thay đổi đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2023 và ký

			Hợp đồng kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty
5	1408/2025/NQ-HĐQT	14/08/2025	V/v thay đổi kế toán trưởng Công ty
6	2611/2025/NQ-HĐQT	26/11/2025	V/v ký Hợp đồng kiểm toán và soát xét các BCTC năm 2025

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Thành viên HĐQT độc lập đã thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng.

Thành viên HĐQT độc lập luôn tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Thành viên HĐQT độc lập luôn tham dự các cuộc họp do Hội đồng quản trị tổ chức.

2. Ban Kiểm soát

a, Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/Không còn là thành viên BKS		Trình độ chuyên môn
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	
1	Nguyễn Thị Thương	Thành viên BKS	21/06/2022		Cử nhân kế toán
2	Ngô Thị Tâm	Thành viên BKS	21/06/2022		Cử nhân kế toán
3	Trần Thị Duyên	Thành viên BKS	21/06/2022		Cử nhân kế toán

Các cuộc họp của BKS trong năm:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Thị Thương	05/05	100%	100% tán thành	
2	Ngô Thị Tâm	05/05	100%	100% tán thành	
3	Trần Thị Duyên	05/05	100%	100% tán thành	

b, Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Căn cứ theo nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát quy định trong Điều lệ Công ty, Quy chế Ban kiểm soát và chương trình công tác đã được thông qua tại phiên họp ĐHĐCĐ Công ty. Ban kiểm soát đã tiến hành một số công tác chính sau đây:

- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty và thực hiện các nội dung theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 và các Nghị quyết của HĐQT.
- Nắm bắt kịp thời thông tin hoạt động nhằm mục đích bảo đảm các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông.
- Thực hiện giám sát kiểm tra tình hình tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế Công ty cũng như tính hợp lý trong việc điều hành kinh doanh và phân bổ nguồn lực để triển khai các kế hoạch kinh doanh.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính Công ty.
- Tham gia ý kiến với Công ty Kiểm toán, Ban Giám đốc kiểm tra báo cáo tài chính bán niên và cả năm 2025 trước khi công bố.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a. Thù lao, thưởng và các khoản lợi ích khác: HĐQT, BKS, Ban giám đốc được hưởng thù lao theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và quy chế hoạt động của HĐQT, BKS.

Công ty áp dụng chế độ thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo đúng mức đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Về mức chi trả quyết toán lương năm 2025 sẽ được đại hội đồng cổ đông quyết định vào cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, kế hoạch thù lao HĐQT, BKS năm 2025 dự kiến như sau

STT	Chức vụ	Mức thù lao (đồng/người/tháng)
I	Hội đồng quản trị	
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	5.000.000
2	Thành viên Hội đồng quản trị	3.000.000
II	Ban kiểm soát	
1	Trưởng ban kiểm soát	3.000.000
2	Thành viên ban kiểm soát	2.000.000

Thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Cơ cấu điều hành và quản trị Công ty được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống Quản trị của Công ty được kiểm soát chặt chẽ, các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT, Ban giám đốc luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng.

PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty được đăng tải đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ:

<https://vinamgroup.com.vn/bao-cai-tai-chinh>

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2026



GIÁM ĐỐC
Ngô Văn Hưng